

Bản án số: 38/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 13/9/2024  
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng  
con chung khi ly hôn".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Như Long  
**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Trần Thị Thu Hương  
2. Ông Nguyễn Viết Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quyết Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** Chị **Đinh Thị Tuyết N**; Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: **Thôn mỗ, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai** - Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Duy H**; Sinh năm: 1981.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.**

Hiện đang chấp hành án tại đội 19 phân trại số D, trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang – Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2024 và các bản tự khai của chị **Đinh Thị Tuyết N** và anh **Nguyễn Duy H** cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị **Đinh Thị Tuyết N** và anh **Nguyễn Duy H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai** vào thời gian ngày 15/5/2019. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị **Đinh Thị Tuyết N** làm đơn xin ly hôn anh **H** là do bất đồng quan điểm trong làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con. Anh **Nguyễn Duy H** chơi bời không tu chí làm ăn, chị tham gia anh không nghe, dẫn

đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Mặt khác năm 2022 anh Nguyễn Duy H vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt Nguyễn Duy H 03 năm 06 tháng tù về tội "Đánh Bạc" hiện nay anh Nguyễn Duy H đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Đinh Thị Tuyết N có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Duy H.

Anh Nguyễn Duy H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để bảo ban nhau làm ăn khi anh ra trại để nuôi dạy con. Nếu chị Đinh Thị Tuyết N mà kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định củ pháp luật.

**Về con chung:** Chị Đinh Thị Tuyết N và anh Nguyễn Duy H đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc T Anh - Sinh ngày: 07/11/2020. Hiện nay cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện tại cháu đang ở với chị Đinh Thị Tuyết N tại thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Đinh Thị Tuyết N có yêu cầu và nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc T Anh cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Duy H phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung với lý do hiện anh Nguyễn Duy H đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu.

Đối với anh Nguyễn Duy H cũng đồng ý khi ly hôn anh nhất trí để chị Đinh Thị Tuyết N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc T Anh và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

**Về tài sản chung:** Chị Đinh Thị Tuyết N và anh Nguyễn Duy H đều xác nhận vợ chồng chung sống đến nay anh chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung. Khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về công nợ chung:** Chị Đinh Thị Tuyết N và anh A Nguyễn Duy H đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này anh Nguyễn Duy H hiện đang chấp hành án tại trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đinh Thị Tuyết N** và anh **Nguyễn Duy H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai** vào ngày 15/5/2019. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đã có 01 con chung, đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến việc chị **Đinh Thị Tuyết N** làm đơn xin ly hôn anh **Nguyễn Duy H** là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mặt khác trong cuộc sống anh **Nguyễn Duy H** không tu chí làm ăn mãi chơi dẫn đến việc vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" Hiện nay anh **Nguyễn Duy H** đang chấp hành án tại **trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**. Cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 04/7/2024 chị **Đinh Thị Tuyết N** làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh **Nguyễn Duy H**.

Đối với anh **Nguyễn Duy H** không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong Quá trình giải quyết vụ án bản thân anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng mà thậm trí để mặc cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng hơn. Hiện tại anh **Nguyễn Duy H** đang chấp hành hình phạt tù tại **trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị **Đinh Thị Tuyết N** và anh **Nguyễn Duy H** đều vắng mặt nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm và không có ai thay đổi về ý kiến và quan điểm của mình. Chị **Đinh Thị Tuyết N** xin được ly hôn đối với anh **Nguyễn Duy H** với lý do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được. Anh **Nguyễn Duy H** có đề nghị mong muốn được đoàn tụ gia đình đề vợ chồng nuôi dạy con cái khi anh ra trại và nếu chị **N** kiên quyết xi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị **Đinh Thị Tuyết N** là có căn cứ cần chấp nhận là phù hợp với các quy định tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình.

[2]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **Đinh Thị Tuyết n** và anh **Nguyễn Duy H** đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 01 con chung cháu **Nguyễn Ngọc T Anh** - Sinh ngày: 07/11/2020. Hiện nay cháu **A** khỏe mạnh phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện tại cháu đang ở với chị **Đinh Thị Tuyết N** tại **thôn M, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Khi ly hôn chị **Đinh Thị Tuyết N** có yêu cầu và nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc T Anh** cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh **Nguyễn Duy H** phải cấp dưỡng tiền nuôi

dưỡng con chung cho cháu. Anh Nguyễn Duy H cũng nhất trí vì điều kiện hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Xét yêu cầu của chị Đinh Thị Tuyết N xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Trâm A1 và không yêu cầu anh Nguyễn Duy H cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi về mặt của cháu nhỏ. Mặt khác hiện nay chị N có thu nhập ổn định, có mức thu nhập 10.000.000đ/tháng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Tuyết N về việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

**[3] Về tài sản chung:** Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị Đinh Thị Tuyết N1 và anh Nguyễn Duy H đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng chưa tạo dựng được tài sản gì chung. Nên khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4] Về công nợ chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị Đinh Thị Tuyết N và anh Nguyễn Duy H đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5]. Về án phí:** Chị Đinh Thị Tuyết N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Đinh Thị Tuyết N ly hôn với Nguyễn Duy H.

Quan hệ hôn nhân được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A1; Sinh ngày: 07/11/2020 cho chị Đinh Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc T Anh trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy H không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Đinh Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0000967 ngày 15/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Xác nhận chị **Đinh Thị Tuyết N** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (02);
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – TA - VP (03).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Phạm Như Long**